

Số: 696 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-BKHCN ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 933/QĐ-BKHCN ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 63/TTr-SKHCN ngày 04/02/2026 và Tờ trình số 69/TTr-SKHCN ngày 13/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, lĩnh vực sở hữu trí tuệ, lĩnh vực tần số vô tuyến điện, lĩnh vực viễn thông

và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 57 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 933/QĐ-BKHCN ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 03 thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ đã được công bố tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) đảm bảo đúng quy định, hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ								
1.	1.013931	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - <i>Nghị định số</i>

									15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2.	1.013939	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số

									15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3.	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10	x		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ

						(mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.			thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4.	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển

									giao công nghệ; <i>Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg</i> <i>ngày 14/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; <i>Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN</i> ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
5.	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công	- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản	- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025. - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao

		nghệ hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ; - Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức xét duyệt nhiệm vụ. - Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng xét duyệt, văn bản kiến nghị của tổ chức tư vấn xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thông báo kết quả cho tổ	hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ; - Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức xét duyệt nhiệm vụ. - Trong thời hạn tối đa 1,5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng xét duyệt, văn bản kiến nghị của tổ chức tư vấn xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thông báo kết quả cho tổ					công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái
--	--	---	--	--	--	--	--	--

			chức đề xuất để hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn 10 ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt nhiệm	chức đề xuất để hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt nhiệm					khởi nghiệp sáng tạo; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

			<i>vụ.</i>	<i>vụ.</i>					
6.	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- <i>Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> - <i>Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc.</i> - <i>Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.</i>	- <i>Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> - <i>Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 5,5 ngày làm việc.</i> - <i>Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày

									30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
7.	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	- <i>Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> - <i>Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm</i>	- <i>Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> - <i>Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 5,5 ngày làm việc.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số</i>

			việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	- Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.					điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
8.	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	x		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày

		nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 5,5 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				19/6/2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban
--	--	---	---	---	---	--	--	--	--

									hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
9.	1.013957	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị quyết số</i>

									66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
10.	1.013960	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực

									<i>quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> <i>- Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;</i> <i>- Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung</i>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

								một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản
--	--	--	--	--	--	--	--	---

								xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ
--	--	--	--	--	--	--	--	---

									sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
11.	1.013961	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

									ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

12.	1.013964	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền,
-----	----------	--	--	--	--	----------------	---	--	--

									trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
13.	1.013969	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

									ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; - Quyết định số
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Thông tư số 32/2011/TT- BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

								công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí đề tài,
--	--	--	--	--	--	--	--	---

									đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
14.	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; - Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

									<i>hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;</i> <i>- Nghị định số 182/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ;</i> <i>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ương</i>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									và Công nghệ quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.
15.	1.013944	Thủ tục xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có	- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định

			văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do	lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do					trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
16.	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ	- Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	x		- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

		giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
17.	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung	- Trong thời hạn 08 ngày	- Trong thời hạn 04 ngày	- Trung tâm Phục	Không quy định	x		- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày

		cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định; - Trong thời hạn 12 ngày đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.	làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định; - Trong thời hạn 06 ngày đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.	vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
18.	2.002548	Thủ tục cấp	Trong thời	Trong thời	- Trung	Không quy định	x		- Luật Đầu tư số

		lại chứng chuyên công nghệ khuyến khích chuyển giao	Giấy nhận giao nghệ khích	hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.	tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	--	---	---------------------------	---	--	--	--	--	--	--

19.	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. - Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày.	- Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. - Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 10 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; - Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt
-----	----------	---	--	---	--	----------------	---	--	--

									<i>động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
II	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ								
1	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	15 ngày	7,5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000đ - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000đ	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy

									định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2000
2	1.013974	Thủ tục yêu	30 ngày	15 ngày	- Trung	Không quy định	x		- Luật Sở hữu trí tuệ

		cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.			tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
--	--	---	--	--	---	--	--	--	--

3	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000đ. - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000đ.	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công</i>
---	----------	---	---------	---------	---	---	---	--	---

									nghe. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2000; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
4	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số

					vụ hành chính công cấp xã. đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 75.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 150.000đ. - Lệ phí cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp lại Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000đ.			07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và
--	--	--	--	--	--	--	--	--

									sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2000; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
5	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

						dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ.			về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2000; Thông tư số
--	--	--	--	--	--	---	--	--	---

									63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
6	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	10 ngày	5 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000đ	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

									ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2000; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023;
7	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	20 ngày	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật

					- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	nghiệp: 250.000đ			số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy
--	--	--	--	--	---	---------------------	--	--	---

									định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04/5/2000; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023;
8	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000đ.	x		- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản

									hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2000.
III	LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN								
1	2.002777	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Miễn thu phí quy định tại điều 5 Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính và Khoản 2 Điều 1 Thông tư 11/2022/TT-	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân

						BTC ngày 01/05/2022 của Bộ Tài chính			cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của
--	--	--	--	--	--	---	--	--	--

									Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	2.002778	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Miễn thu phí quy định tại điều 5 Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính và Khoản 2 Điều 1 Thông tư 11/2022/TT-BTC ngày 01/05/2022 của Bộ Tài chính	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc</i>

									<i>phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	2.002775	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Miễn thu phí quy định tại điều 5 Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính và Khoản 2 Điều 1 Thông tư 11/2022/TT-	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của

						BTC ngày 01/05/2022 của Bộ Tài chính			Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
4	2.002779	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Miễn thu phí quy định tại điều 5 Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính và Khoản 2 Điều 1 Thông tư 11/2022/TT-BTC ngày 01/05/2022 của Bộ Tài chính	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến</i>

									hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
5	2.002781	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số

					chính công cấp xã.	dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT- BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần
--	--	--	--	--	-----------------------	---	--	--	--

									số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
6	2.002782	Thu tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản</i>

						phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			<i>hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
7	2.002776	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

		tuyến điện nghiệp dư.			tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT- BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng
--	--	--------------------------	--	--	--	--	--	--	--

									tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
8	2.002787	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều</i>

						tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT- BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			<i>của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
9	2.002783	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một

		tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	quy định	quy định.	thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và
--	--	--	----------	-----------	---	--	--	--	---

									sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
10	2.002784	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của</i>

						giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			<i>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
11	2.002785	Thủ tục cấp đổi giấy phép	07 ngày kể từ ngày nhận	3,5 ngày kể từ ngày nhận	- Trung tâm Phục	Thực hiện theo	x		- Luật Tần số vô tuyến điện

		sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy
--	--	--	-----------------------------------	-----------------------------------	--	---	--	--	--

									định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
12	2.002786	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	5,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số</i>

						và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)		15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
--	--	--	--	--	--	--	--	--

13	2.002788	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC
----	----------	---	---	---	---	--	---	--	---

						Bộ Tài chính)			ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. -Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
14	2.002789	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng	<i>07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i>	Không đề xuất cắt giảm do đã được cắt giảm thời gian theo Nghị định số	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

		thông tin vô tuyến điện nội bộ.		15/2026/NĐ-CP	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng
--	--	---------------------------------	--	---------------	-------------------------------------	---	--	--	---

									tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
15	2.002780	Thủ tục cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Không đề xuất cắt giảm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước

						14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số
--	--	--	--	--	--	---	--	--	--

									điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
16	2.002790	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) và Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện (ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa</i>

						BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính)			<i>học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
17	1.013935	Thủ tục cấp giấy công nhận tổ chức	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành	Chưa quy định	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật

		đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	đầy đủ, đúng quy định.	đầy đủ, đúng quy định.	chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
18	2.002793	Thủ tục cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chưa quy định	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một

		cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghịệp dư	quy định.	quy định.	thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
19	2.002791	Thủ tục cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Chưa quy định	x		- Luật Tàn số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn

		chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
20	2.002792	Thủ tục cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung	Chưa quy định	x		- Luật Tần số vô tuyến điện 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

		tuyên điện viên hàng hải			tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
IV	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET								
1	1.013899	Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng,	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung	Phí: Không quy định Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định

		loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).			tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn,
--	--	--	--	--	-------------------------------------	--	--	--	--

									chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
2	1.013900	Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: Không quy định Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi,</i>

		ương.							<i>bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
3	1.013902	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành	Phí: Không quy định Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

		vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ- CP.			chính công cấp xã.				hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
--	--	--	--	--	-----------------------	--	--	--	--

									phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
4	1.013904	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: Không quy định Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để</i>

		trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.							<i>cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
5	1.013905	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: Không quy định Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

		sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.							- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

									cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
6	1.013906	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: Không quy định Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành</i>

									chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
7	1.013907	Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: Không quy định Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

		tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.						ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn
--	--	---	--	--	--	--	--	---

									thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
8	1.013976	Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: Không quy định Lệ phí: 1.000.000đ/giấy phép	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất,</i>

									<i>kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
9	1.013910	Thủ tục phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Lệ phí: 350.000đ/lần	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

									về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									thông.
10	1.013911	Thủ tục hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	x		- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà</i>

									<i>nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> <i>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
1	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ	
2	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ	
3	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ	